

Tuần 7 - CHỦ ĐỀ MUỐI (Tiết 1)

TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA MUỐI

I. Hướng dẫn tự học :

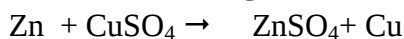
- Học xem sách giáo khoa Bài 9: “TÍNH CHẤT HÓA HỌC CỦA MUỐI” tìm hiểu các nội dung :

Tính chất vật lí, nắm vững tính chất hoá học của muối. Phản ứng trao đổi, điều kiện xảy ra phản ứng trao đổi. Vận dụng viết được phương trình hóa học.

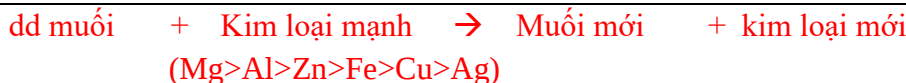
II. Nội dung ghi bài :

I. Tính chất hóa học của muối

1. Muối tác dụng với kim loại: → Muối + kim loại mới.

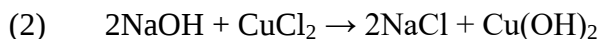
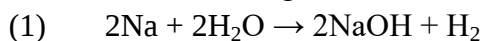


HT: kẽm tan dần, dung dịch màu xanh nhạt dần, có kim loại màu đỏ bám vào miếng kẽm.

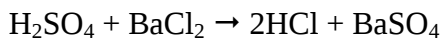


Chú ý: Với các kim loại kiềm (Na, K, Ca, Ba)

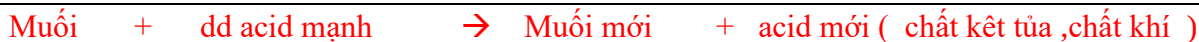
VD: Cho Na vào dung dịch CuCl₂.



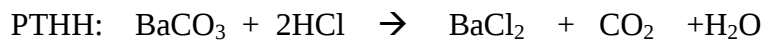
2. Muối tác dụng với axit: → Muối + Axit mới.



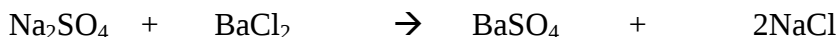
Hiện tượng: xuất hiện kết tủa trắng.



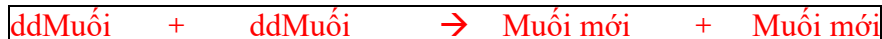
Chú ý: Điều kiện xảy ra phản ứng: sản phẩm sinh ra kết tủa không tan trong axit (AgCl, BaSO₄, CuS) hoặc sinh ra axit yếu, bay hơi (H₂S) hoặc axit yếu bị phân huỷ (H₂CO₃ phân huỷ thành CO₂ và H₂O, H₂SO₃ phân huỷ thành SO₂ và H₂O)



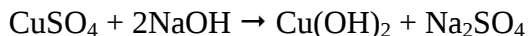
3. Muối tác dụng với muối: → 2 muối mới.



Hiện tượng: Có kết tủa trắng xuất hiện



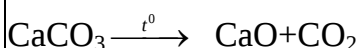
4. Muối tác dụng với bazơ: → Muối + Bazơ mới.

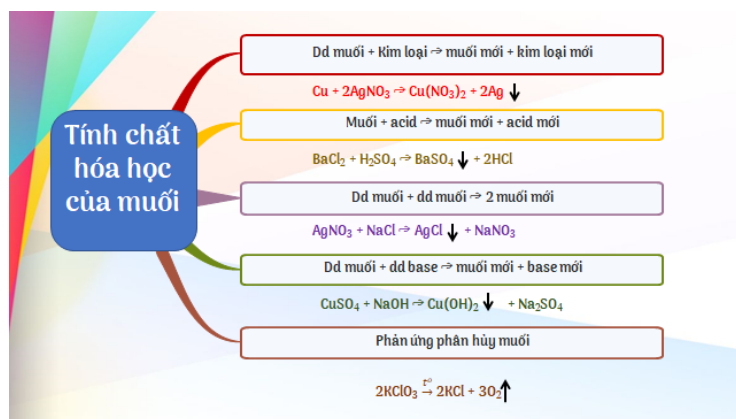


Hiện tượng: Chất kết tủa màu xanh lơ



5. Phản ứng phân huỷ

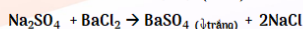
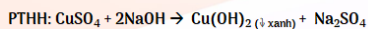




II. Phản ứng trao đổi

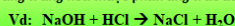
II. Phản ứng trao đổi:

Phản ứng trao đổi là phản ứng hoá học, trong đó hai hợp chất tham gia phản ứng trao đổi với nhau những thành phần cấu tạo của chúng để tạo ra những hợp chất mới.



Chú ý:

- Phản ứng trao đổi chỉ xảy ra khi sản phẩm có 1 trong các chất ở trạng thái sau: chất không tan, chất khí.
- Phản ứng trung hòa thuộc phản ứng trao đổi và luôn xảy ra.



BẢNG TÍNH TAN

Chất	Chất tan	Chất không tan
Axit	Đa số các axit tan	H_2SiO_3
Bazơ	KOH , NaOH , LiOH , Ba(OH)_2 , Ca(OH)_2	Còn lại: Fe(OH)_2 , Mg(OH)_2 , Al(OH)_3 , Cu(OH)_2 , Zn(OH)_2 , ...
Muối	Chứa K, Na, NO_3 , NH_4^+ : tan. Clorua ($-\text{Cl}$): đa số tan. Sunfat ($=\text{SO}_4$): đa số tan.	AgCl , PbCl_2 BaSO_4 , PbSO_4 , CaSO_4 ít tan, Ag_2SO_4 ít tan
	Carbonat ($=\text{CO}_3$), sunfit ($=\text{SO}_3$), photphat ($=\text{PO}_4$) Chỉ có muối của K, Na: tan	Còn lại: ↓

III. Luyện tập

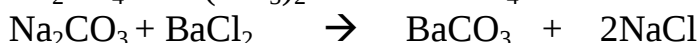
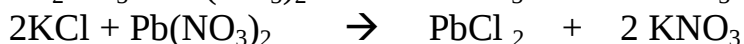
BT1: Hãy hoàn thành các phản ứng hóa học sau (nếu xảy ra)

- $\text{CaCO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CaCl}_2 + \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O}$
- $\text{MgCl}_2 + \text{NaNO}_3 \rightarrow$ Không xảy ra phản ứng
- $\text{Ca(OH)}_2 + \text{K}_2\text{CO}_3 \rightarrow \text{CaCO}_3 + 2\text{KOH}$
- $\text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{HCl} \rightarrow$ Không xảy ra phản ứng
- $\text{Ca(OH)}_2 + 2\text{HNO}_3 \rightarrow \text{Ca(NO}_3)_2 + 2\text{H}_2\text{O}$

Bài tập 4 / 33 SGK

Cho những dung dịch muối sau đây phản ứng với nhau từng đôi một, hãy ghi dấu (x) nếu có phản ứng, dấu (O) nếu không phản ứng. Viết PTHH ở ô có dấu (x)

	Na_2CO_3	KCl	Na_2SO_4	NaNO_3
$\text{Pb(NO}_3)_2$	X	X	X	O
BaCl_2	X	O	X	O



Bài tập 3. Cho 6,5 g Zinc (Zn) tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch CuSO_4 . Phản ứng xảy ra hoàn toàn.

a. Tính lượng muối thu được sau phản ứng?

b. Tính nồng độ dung dịch CuSO_4 ban đầu?

Vận dụng : Trong những chuyến đi biển dài ngày, theo em các ngư dân thường bảo quản Hải sản như thế nào?

→ Thường bảo quản trong những thùng đá có bỏ thêm muối vào. Vì muối có thể làm hạ thấp nhiệt độ của đá xuống -8°C , -10°C thậm chí -18°C .

❖ Dẫn dò Đối với bài học ở tiết này:

- Học bài , làm bài tập 1,2,3,5 trong sách giáo khoa
- Đọc trước nội dung bài mới:
- MỘT SỐ MUỐI QUAN TRỌNG - phần I: MUỐI NaCl .